



Phát triển nông nghiệp
bền vững ở Việt Nam:

Khó khăn và giải pháp tháo gỡ

HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH*

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu là một trong những mục tiêu được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Đây là một định hướng quan trọng để đưa nền nông nghiệp nước ta phát triển bền vững. Tuy nhiên, con đường đến với nông nghiệp bền vững của Việt Nam không hề bằng phẳng, bởi phía trước đang có rất nhiều khó khăn.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, trong 5 năm qua (2011-2015), ngành nông nghiệp đã cụ thể hóa Nghị quyết thành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch và tập trung tổ chức thực hiện; trọng tâm là tổ chức thực hiện Đề án “Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” và Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới tại các quyết định: số 899/QĐ-TTg, ngày 10/06/2013 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; số 800/QĐ-TTg, ngày 04/06/2010 phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Cùng với đó là một loạt các chính sách quan trọng khác được ban hành, như: chính sách về quản lý đất lúa, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hỗ trợ phát triển thủy sản, hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, bảo vệ và phát triển rừng gắn với xóa đói giảm nghèo... Bên cạnh các văn bản cấp trung ương, nhiều tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình trên địa bàn.

*ThS., Đài Truyền hình Việt Nam

Email: ngocanhht@gmail.com

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Đức Phát, những nỗ lực to lớn trên đã đem lại nhiều kết quả tích cực, cụ thể là:

- Trong lĩnh vực trồng trọt, đã có sự điều chỉnh về cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích những cây có thị trường tiêu thụ thuận lợi và giá trị cao. Đồng thời, đã chú trọng hơn tới nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất. Đối với cây lúa, diện tích sử dụng các giống chất lượng cao đã chiếm khoảng 40%, có nơi đạt 70%-80%. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt đã tăng từ 54,6 triệu đồng năm 2010 lên 83 triệu đồng năm 2015. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân đạt 3,13%/năm.

- Sản xuất chăn nuôi đã chuyển mạnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới về giống, thức ăn, quản lý môi trường... đã được chuyển giao vào sản xuất. So với năm 2010, sản lượng thịt các loại năm 2015 tăng 18,9%; sữa tươi tăng 2 lần; trứng gia cầm tăng 50,5%; giá trị sản lượng tăng bình quân 3,4%/năm.

- Trong lĩnh vực thủy sản, đã cơ cấu lại theo hướng đẩy mạnh khai thác xa bờ, tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế cao (cá ngừ, cá thu, tôm, mực...); đồng thời, tăng nhanh sản lượng các đối tượng nuôi chủ lực (tôm, cá tra, nhuễn thể) có giá trị cao và có thị trường tiêu thụ. Tổng sản lượng thủy sản năm 2015 tăng 27,3% so với năm 2010. Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản đạt bình quân 4,9%/năm. Giá trị sản phẩm tăng từ 103,8 triệu đồng/ha mặt nước nuôi trồng lên 183 triệu đồng/ha năm 2015.

- Sản xuất lâm nghiệp đã có sự chuyển biến mạnh trên nhiều phương diện. Rừng được bảo vệ và phát triển tốt hơn. Trong 5 năm qua, diện tích rừng trồng tập trung đạt 1,055 triệu ha, bình quân 211 nghìn ha/năm; tỷ lệ che phủ rừng tăng bình quân khoảng 0,3%/năm, nâng tỷ lệ đảm bảo nguyên liệu gỗ trong nước cho chế biến xuất khẩu đạt 50% vào năm 2015. Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng mạnh, đạt bình quân 6,67%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành (bao gồm cả nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và các dịch vụ) đã được duy trì ở mức khá cao, đạt bình quân 3,1%/năm, vượt mục tiêu (2,6%-3,0%/năm) do Đại hội Đảng XI đề ra. An ninh lương thực quốc gia được đảm bảo vững

chắc. Xuất khẩu tăng nhanh cả về khối lượng và kim ngạch. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm 2011-2015 đạt 141 tỷ USD, tăng bình quân tăng 9%/năm. Nhiều mặt hàng có vị thế cao trên thị trường thế giới, đã có 10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên.

- Chương trình Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sôi động trên toàn quốc. Đến hết năm 2015, cả nước có 1.526 xã (chiếm 17% số xã trên cả nước) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân/(trên) xã là 12,9 tiêu chí (tăng 8,2 tiêu chí so với 2010); có 15 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn đạt 24,4 triệu đồng/năm (tăng khoảng 1,9 lần so với năm 2010), góp phần quan trọng xóa đói, giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn.

SONG, VẪN CÒN NHIỀU THÁCH THỨC, KHÓ KHĂN

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, song nhìn tổng thể, nền nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, thiếu tính quy hoạch, liên kết. Ngay trong thời điểm hiện nay, ngành nông nghiệp vẫn bế tắc: nông sản đồng loạt rớt giá, sản xuất khó tiêu thụ, xuất khẩu gặp không ít khó khăn. Điều này cũng đã được Đảng và Nhà nước thừa nhận trong Báo cáo Đánh giá về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

Một thách thức khác trong phát triển bền vững nông nghiệp chính là vấn đề biến đổi khí hậu. Tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua chủ yếu dựa trên thâm dụng tài nguyên thiên nhiên. Điều này gây tác động xấu đến môi trường, làm tăng mức độ ô nhiễm và suy yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên (rừng được ven biển, tài nguyên nước ngầm ở Tây Nguyên, nguồn lợi hải sản ven bờ, đa dạng sinh học...). Môi trường ở nông thôn chưa được quản lý tốt. Ô nhiễm nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp, làng nghề đang trực tiếp làm suy thoái môi trường, gây nguy hiểm cho sinh kế bền vững của người dân và cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

Đã vậy, theo nghiên cứu của các nhà khoa học, khi mực nước biển dâng thêm 1 m, ước tính lần lượt 40%, 11% và 3% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng và các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ

Ngay trong thời điểm hiện nay, ngành nông nghiệp vẫn bế tắc: nông sản đồng loạt rớt giá, sản xuất khó tiêu thụ, xuất khẩu gặp không ít khó khăn. Điều này cũng đã được Đảng và Nhà nước thừa nhận trong Báo cáo Đánh giá về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

bị nhấn chìm. Khi đó, ngập lụt sẽ “cướp” đất canh tác ở hai khu vực nông nghiệp quan trọng nhất của Việt Nam, vì khoảng 80% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long và 30% diện tích Đồng bằng sông Hồng đang thấp hơn mực nước biển đến 2,5 m. Song hành với đó, diện tích đất trồng lúa sẽ giảm đi một nửa, từ 4 triệu ha xuống chỉ còn 2 triệu ha khi mực nước biển dâng cao thêm 1 m.

Tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển cũng sẽ làm thu hẹp diện tích đất canh tác, khiến hệ số sử dụng đất có thể giảm từ 3-4 lần/năm xuống còn 1-1,5 lần/năm. Nước biển dâng thêm 1 m đồng nghĩa với quá trình ngập mặn sẽ đặc biệt nghiêm trọng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi 45% diện tích bị nước biển xâm nhập mặn, tương đương với khoảng 1,8 triệu ha đất. Ước tính sẽ có 85% người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long cần nhận hỗ trợ về nông nghiệp (Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu, 2013).

Hậu quả nghiêm trọng nhất chính là việc suy giảm sản lượng gạo xuất khẩu và an ninh lương thực quốc gia sẽ bị lung lay, kéo theo sự phá sản của hơn 650 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Nghiên cứu độc lập của Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2013) cho thấy, năng suất lúa xuân ở vùng Đồng bằng sông Hồng có thể giảm 3,7% vào năm 2020 và giảm tới 16,5% vào năm 2070. Còn năng suất lúa mùa sẽ giảm 1% vào năm 2020 và giảm 5% vào năm 2070, nếu Việt Nam không có các biện pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả. Dự báo, Việt Nam sẽ có nguy cơ đối mặt với tình trạng thiếu lương thực trầm trọng vào năm 2100, do mất đi gần 22% sản lượng.

GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm tới, Văn kiện của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế”, trong đó “Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới” là một trong những nhiệm vụ quan trọng cần tập trung thực hiện. Vì thế, mục tiêu chính của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong những năm tới là phát triển bền vững theo 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, cụ thể là: (1) Thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, giá trị gia tăng và hiệu quả cao; (2) Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn; (3) Phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên và môi trường bền vững. Theo đó, cần:

Thứ nhất, tiếp tục cơ cấu lại nền nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian tới, khi các hiệp định tự do thương mại mới có hiệu lực với những cơ hội và thách thức mới, ngành nông nghiệp Việt Nam đang rất cần những động lực mới để tăng trưởng. Để ngành nông nghiệp thật sự bứt phá, cần đẩy nhanh tái

cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Đồng thời, phải tạo sự đột phá về tổ chức và quản lý quy hoạch cùng với hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Bên cạnh đó, tăng cường đầu tư và trợ giúp kỹ thuật, công nghệ cho các tiểu ngành có giá trị gia tăng cao trong nông nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu lao động đáp ứng tốt yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại và hiệu quả.

Thứ hai, dành nguồn vốn thích đáng đầu tư cho kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Văn kiện Đại hội XII đặt ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Nhà nước cần tiếp tục dành vốn thích đáng đầu tư cho kết cấu hạ tầng ở nông thôn trong thời gian tới. Theo đó, cần tập trung vào xây dựng hệ thống đường nông thôn, hệ thống thủy lợi, hệ thống nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống các trường học, trạm y tế, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế bền vững để tạo thu nhập ổn định cho người dân khu vực nông thôn. Chương trình Xây dựng nông thôn mới phải hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn và phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương, còn Nhà nước đóng vai trò định hướng. Do vậy, giải pháp đột phá cần tính đến là xác định lại chiến lược phát triển nông nghiệp dựa trên nhu cầu thị trường và lợi thế so sánh của từng vùng, tiểu vùng sinh thái. Trên cơ sở đó, các địa phương quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức sản xuất cho phù hợp. Đối với các ngành hàng nông sản có khối lượng hàng hóa lớn, như: lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, tôm, cá tra, lợn, gà, bò sữa... nhất thiết phải được tổ chức sản xuất theo hợp đồng và quản lý theo chuỗi giá trị sản phẩm từ trang trại đến bàn ăn.

Thứ ba, đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân. Trước hết, tập trung ở những

vùng đã phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn; khuyến khích hợp tác, liên kết từ sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và đảm bảo hài hòa lợi ích các bên. Theo đó, cần có những cơ chế, chính sách ưu đãi sau:

- *Về cơ chế, chính sách đất đai:* Quy hoạch đất đai nông nghiệp cần ổn định, đồng bộ với quy hoạch dịch vụ, tổ chức khoa học, công nghệ, thương mại, công nghiệp chế biến... thành những cụm công - nông nghiệp. Giao đất lâu dài cho nông dân, nên từ 50-70 năm. Thúc đẩy mạnh mẽ tích tụ và tập trung ruộng đất để phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, tập trung quy mô lớn ở những vùng công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh, lao động đã rút đáng kể ra khỏi nông nghiệp. Thúc đẩy mạnh nông dân tự nguyện dồn điền đổi thửa, tích tụ và tập trung ruộng đất thành cánh đồng mẫu lớn. Cần có quy định công nhận đơn vị sản xuất hộ nông dân, kinh tế nông trại, hạn chế việc có quyền sử dụng đất, nhưng không trực tiếp sản xuất.

- *Về cơ chế, chính sách đầu tư cho nông nghiệp và hỗ trợ nông dân:* Đầu tư của doanh nghiệp trong nước cần được khuyến khích trên cơ sở phát triển chuỗi nông nghiệp hiện đại, gắn với nông dân, hình thành liên kết chuỗi giữa nông dân và doanh nghiệp, xây dựng quản trị bền vững toàn chuỗi về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, logistics, thương hiệu... Nghiên cứu áp dụng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với các doanh nghiệp chế biến 100% nguyên liệu nông sản trong nước. Tiếp tục thực hiện thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ; tổng kết, rút kinh nghiệm để triển khai chính thức bảo hiểm nông nghiệp trên diện rộng đối với các đối tượng, các

ngành hàng, không chỉ đối với các hộ nông dân nghèo, cận nghèo. Bổ sung, sửa đổi chính sách hỗ trợ nhằm giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

- *Về cơ chế, chính sách phát triển chuỗi ngành hàng nông sản:* Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam phân phối trực tiếp ở các chuỗi siêu thị quốc tế, đa dạng sản phẩm, đa dạng thị trường, thúc đẩy đầu tư ở phân khúc giá trị cao, chất lượng tốt, hạn chế xuất khẩu thô. Với thị trường trong nước, tăng cường quản lý thị trường theo hướng minh bạch chất lượng theo truy suất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ. Hình thành chuỗi ngành hàng chiến lược có dự địa thị trường, có liên kết quốc tế mạnh, có thương hiệu toàn cầu, có vị thế ở một số thị trường mục tiêu, có ảnh hưởng kinh tế và xã hội lớn... Có cơ chế, chính sách nhằm minh bạch hóa, kiểm soát giao dịch toàn bộ chất lượng, giá cả các chuỗi vật tư nông nghiệp đầu vào, như: phân bón, thức ăn gia súc...

Thứ tư, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Theo đó, cần tập trung vào các lĩnh vực: nâng cao năng lực quản lý và ứng phó rủi ro liên quan đến thời tiết và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, cũng như các rủi ro về thị trường. Cải thiện hệ thống dự báo, cảnh báo sớm và gắn kết hệ thống này với dịch vụ tư vấn nông nghiệp; thay đổi phương pháp canh tác và lựa chọn giống phù hợp với các vùng đất có những biến đổi khác nhau về khí hậu; xây dựng năng lực nghiên cứu và phát triển để có thể giải quyết được những thách thức mới nảy sinh của quá trình biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thúc đẩy thị trường bảo hiểm nông nghiệp, tăng cường khả năng ứng phó của nông dân đối với rủi ro, đảm bảo nông nghiệp ít có sự tác động xấu của biến đổi khí hậu; các địa phương, nhất là các tỉnh ở vùng thấp cần có kế hoạch ứng phó kịp thời, bố trí sản xuất nông nghiệp phù hợp.

Thứ năm, thực hiện các biện pháp liên quan tới môi trường, như: tăng cường đầu tư công vào các công trình phòng, chống thiên tai, giảm tác động bất lợi về môi trường; tăng cường quản lý nước thải nông nghiệp; tăng cường áp dụng các biện pháp giảm khí thải nhà kính; quán triệt tư duy nền kinh tế xanh trong phát triển nông nghiệp. Đặc biệt, cần có tư duy kinh tế xanh trong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh trong nông nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam*
2. Cao Đức Phát (2016). *Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao nhanh hơn đời sống của nông dân*, Bài tham luận tại Đại hội Đảng lần thứ XII, ngày 23/01/2016, Hà Nội
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2013). Tác động của biến đổi khí hậu đến tăng trưởng và phát triển ở Việt Nam và một số gợi ý chính sách, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 193, tháng 07/2013
4. Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung (2015). *Nông nghiệp Việt Nam hướng tới phát triển bền vững*, truy cập từ <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/nong-nghiep-nong-thon/2015/32132/Nong-nghiep-Viet-Nam-huong-toi-phat-trien-ben-vung.aspx>